

Bản án số: 37/2024/HSST

Ngày 25/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT D1
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Văn Chiến, là giáo viên
- Bà Lê Thu Phương, là cán đoàn thanh niên

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Việt Phúc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Dương, Kiểm sát viên.

Ngày 25/6/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 27/2024/TLST-HS ngày 26/4/2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST-HS ngày 12/6/2024 đối với các bị cáo:

1. Đinh Văn D sinh ngày 27/02/2007; tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú thôn 2, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn V và bà Tống Thị P; vợ con chưa có. Tiền án không; tiền sự không. Lịch sử bản thân ngày 26/4/2024 bị Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình xử phạt 18 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/01/2024 đến ngày 21/01/2024 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình cho đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Xuân D1 sinh ngày 04/6/2007; tại xã Khánh Hội, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; hộ khẩu thường trú xóm Chùa, xã Khánh Hội, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay xóm 7, xã Khánh Hội, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân B và bà Phạm Thị T; vợ con chưa có. Tiền án không; tiền sự không. Lịch sử bản thân ngày 29/10/2021 bị Công an xã Khánh Thiện xử phạt cảnh cáo về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/01/2024 đến ngày 21/01/2024 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình cho đến nay; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo D: Ông Đinh Văn V sinh năm 1985; địa chỉ xóm 2, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; là bố bị cáo D; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo D1: Anh Nguyễn Xuân B sinh năm 1976; địa chỉ xóm 7, xã Khánh Hội, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; là bố bị cáo D1; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo D và bào chữa cho bị cáo D1: Trợ giúp viên pháp lý Phạm Thị Mến, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Người bị hại: Anh Đinh Văn T sinh năm 1971; địa chỉ phố 1, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Tô Bá H sinh năm 1975; địa chỉ xóm Thượng 1, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- Anh Hoàng H2 sinh năm 1989; địa chỉ số nhà 15, Phường Khoang, phường 2, quận 1, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Cháu Nguyễn Tiến H3 sinh ngày 06/12/2008; địa chỉ xóm Trung, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu H3: Ông Nguyễn Văn T sinh năm 1987; địa chỉ xóm Trung, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; là bố của cháu H3; có mặt.

- Cháu Tô Bá H4 sinh ngày 17/4/2008; địa chỉ xóm Thượng 1, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu H4: Ông Tô Bá H sinh năm 1975; địa chỉ xóm Thượng 1, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; là bố của cháu H4; có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho cháu H3 và cháu H4: Trợ giúp viên pháp lý Phạm Thị Mến, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 10/01/2024 H3 sử dụng điện thoại nhắn tin qua ứng dụng messenger rủ D1 cùng đi cướp giật tài sản, D1 đồng ý và hẹn gặp mặt để nói chuyện. Khoảng 13 giờ cùng H4 điều khiển xe mô tô Vision biển kiểm soát 35E1-027.76 chở H3 xuống xã Khánh Nhạc để chơi bi-a. Trên đường đi H3 rủ H4 đi cướp giật điện thoại, H4 đồng ý. H3 và H4 đi xe mô tô đến đón D1 rồi cả ba người cùng đi chơi bi-a tại xã Khánh Nhạc. Quá trình chơi bi-a, H3 mượn điện thoại của H4 nhắn tin qua Messenger cho D rủ đi cướp giật tài sản, D đồng ý.

Khoảng 22 giờ cùng ngày H4, H3, D1 đi xe mô tô Vision biển kiểm soát 35E1-027.76 đến đón D rồi cả nhóm đi ra phố 5, thị trấn Yên Ninh. Tại đây H3, D1, H4, D thống nhất đi cướp giật điện thoại đòi cao để bán lấy tiền chia nhau, D1 đưa ra ý kiến chọn cửa hàng điện thoại “Nở T” ở thị trấn Yên Ninh để vào giả vờ mua điện thoại rồi cướp giật, bỏ chạy thì cả nhóm đều đồng ý. H3 và D sẽ trực tiếp vào bên trong cửa hàng để cướp giật điện thoại còn D1, H4 dựng xe mô tô chờ sẵn bên ngoài, khi nào D, H3 từ trong quán chạy ra thì cả nhóm sẽ cùng

lên xe mô tô thoát. Sau khi thống nhất xong thì cả nhóm đi xe mô tô biển kiểm soát 35E1-027.76 đến cửa hàng “Nở T”.

Khoảng 23 giờ 40 phút cùng ngày, khi đến trước cửa hàng “Nở T” ở phố 1, thị trấn Y; H4 dựng xe mô tô ở bên ngoài và cùng với D1 đứng chờ còn D và H3 đi bộ vào trong cửa hàng. D và H3 thống nhất ám hiệu, khi nào H3 hỏi D “Nhà khoá cửa chưa” thì cả 2 sẽ cùng nhau cầm điện thoại bỏ chạy. Khi vào bên trong, H3 hỏi mua điện thoại và được ông T (là chủ cửa hàng) đưa cho xem 02 chiếc điện thoại Iphone 12 Promax và Iphone 13 Promax. Khi đang xem máy do thấy lâu mà H3 chưa nói ám hiệu để bỏ chạy nên D hỏi “Chạy chưa” thì H3 trả lời “Cứ từ từ” rồi H3 bảo ông T cho xem thêm chiếc điện thoại Iphone 11 Promax. Khi ông T đang lấy điện thoại thì D bảo H3 “Chạy đi” rồi D cầm chiếc điện thoại Iphone 12 Promax, H3 cầm chiếc thoại Iphone 13 Promax chạy khỏi cửa hàng đến vị trí mà H4, D1 đang chờ, lúc này ông T từ trong quán chạy ra đuổi theo; cả bốn lên xe mô tô do H4 điều khiển tàu thoát về phía huyện Yên Mô. Quá trình chạy tàu thoát D và H3 đã để tuột lại 02 đôi dép trên đường.

H4 điều khiển xe mô tô chở D, H3, D1 đi ra Hà Nội thuê nhà nghỉ. Sáng ngày 11/01/2024 D và D1 mang chiếc điện thoại Iphone 12 Promax đến cửa hàng điện thoại “A Béo” ở phường Trung Văn, quận D1 Từ Liêm, Hà Nội bán cho anh H2 được 8.500.000 đồng. Sau khi bán điện thoại D1 và D thống nhất giấu bớt tiền và chỉ nói với H3 và H4 là bán được 6.000.000 đồng. Trước khi về nhà nghỉ D lấy 2.200.000 đồng, D1 lấy 300.000 đồng; còn lại 6.000.000 đồng H3, H4, D chia nhau mỗi người 2.000.000 đồng. Chiều ngày 11/01/2024 H3 và D1 tiếp tục mang chiếc điện thoại Iphone 13 Promax đi bán nhưng không được giá nên giao cho D1 giữ để bán sau. Sau đó D, H3, H4, D1 đi về nhà.

Ngày 12/01/2024 D đến Công an huyện Y đầu thú và khai nhận cùng với H3, H4 và D1 thực hiện hành vi cướp giật điện thoại và giao nộp số tiền 1.710.000 đồng. Cơ quan điều tra làm việc với D1 đã phát hiện thu giữ trên người D1 01 điện thoại Iphone 13 Promax màu vàng. Cơ quan điều tra làm việc với H3 và H4, cả hai đều thừa nhận cùng với D và D1 cướp giật điện thoại tại cửa hàng “Nở T”.

Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 26/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản vi phạm trong lĩnh vực tố tụng hình sự huyện Y kết luận: Điện thoại di động Iphone 12 Promax tại thời điểm ngày 10/01/2024 là 13.500.000 đồng; điện thoại di động Iphone 13 Promax tại thời điểm ngày 10/01/2024 là 15.500.000 đồng; tổng trị giá tài sản là 29.000.000 đồng.

Cáo trạng số 29/CT-VKSYK ngày 25/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố các bị cáo D và D1 về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày Luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo D và D1 phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 171; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 90; khoản 6 Điều 91, khoản 2 Điều 101 của Bộ luật Hình sự; áp dụng thêm Điều 56 của Bộ luật Hình sự đối với D.

+) Xử phạt bị cáo D từ 21 tháng đến 24 tháng tù, tổng hợp với hình phạt 18 tháng tù của Bản án hình sự phúc thẩm số 15/2024/HSPT ngày 26/4/2024 của

Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình; buộc bị cáo phải chấp hành chung là từ 39 tháng đến 43 tháng tù; thời hạn phạt tù tính từ ngày tạm giữ 12/01/2024;

+) Xử phạt bị cáo D1 từ 18 tháng đến 21 tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 12/01/2024.

- Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 02 đôi dép. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền bị cáo D bán điện thoại mà có đã giao nộp là 1.710.000 đồng.

Trợ giúp viên pháp lý Phạm Thị Mến bào chữa cho các bị cáo D và D1 trình bày: Các bị cáo đã bị Viện kiểm sát truy tố về tội danh và điều luật là đúng; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo đó là sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; các bị cáo đều là người chưa đủ 18 tuổi; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Đề nghị áp dụng các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91, Điều 98; khoản 1 Điều 101; Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo với mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Tại phiên tòa các bị cáo D và D1 đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung của Cáo trạng là đúng. Nói lời sau cùng các bị cáo đều đề nghị đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan và người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án về địa điểm, thời gian, hành vi của các bị cáo, vật chứng đã thu giữ và tài sản chiếm đoạt, nên có đủ cơ sở khẳng định:

Buổi trưa ngày 10/01/2024 D và D1 được H3 rủ đi cướp giật tài sản, D và D1 đều đồng ý. Trong quá trình bàn bạc với nhau D1 đưa ra ý kiến là chọn cửa hàng điện thoại “Nở T” ở thị trấn Yên Ninh để vào giả vờ mua điện thoại rồi cướp giật, bỏ chạy. Khoảng 23 giờ 40 phút cùng ngày tại cửa hàng “Nở T” ở phố 1, thị trấn Y; H4 và D1 dựng xe mô tô ở bên ngoài đứng chờ; còn D và H3 đi vào trong cửa hàng điện thoại “Nở T” hỏi mua điện thoại và được ông T đưa cho xem 02 chiếc điện thoại Iphone 12 Promax và Iphone 13 Promax; trong lúc ông T đang lấy thêm chiếc điện thoại Iphone 11 Promax cho H3 xem, thì D bảo H3 “Chạy đi” rồi D cầm chiếc điện thoại Iphone 12 Promax, H3 cầm chiếc điện thoại Iphone 13 Promax chạy khỏi cửa hàng đến vị trí mà H4 và D1 đang chờ; cả bốn người lên xe mô tô do H4 điều khiển tẩu thoát.

Hành vi của các bị cáo D và D1 là trái pháp luật, đã xâm phạm đến tài sản của người khác; hành vi của các bị cáo D và D1 đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Điều 171. Tội cướp giật tài sản

1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố các bị cáo D và D1 về tội danh và điều luật như Cáo trạng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về vị trí, vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Bị cáo D trực tiếp thực hiện hành vi giật tài sản nên giữ vai trò thứ nhất trong vụ án; bị cáo D1 giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tăng nặng: Các bị cáo D và D1 đều không có tình tiết tăng nặng.

Về giảm nhẹ: Các bị cáo D và D1 đều “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; đã hoàn trả lại số tiền chiếm hưởng do bán điện thoại cho người liên quan; các bị cáo đều có ông nội là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương” theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo D còn có thêm tình tiết giảm nhẹ nữa là “Bị cáo đầu thú” theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Từ những tình tiết nêu trên, thấy rằng: Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi của các bị cáo, vào tài sản và giá trị tài sản chiếm đoạt, vào nhân thân và ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo; cần xét xử các bị cáo với mức án nghiêm minh, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm mục đích cải tạo, giáo dục, giúp đỡ các bị cáo sửa chữa sai lầm để trở thành công dân có ích xã hội và góp phần đấu tranh phòng ngừa chung. Bị cáo D1 có 04 tình tiết giảm nhẹ, bị cáo D có 05 tình tiết giảm nhẹ và tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đều là người dưới 18 tuổi, nên khả năng nhận thức của các bị cáo về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội còn hạn chế; nên giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo tương ứng với số tình tiết giảm nhẹ và mức giảm nhẹ của mỗi tình tiết mà mỗi bị cáo được hưởng.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh T đã được Cơ quan điều tra trả lại 02 chiếc điện thoại do các bị cáo chiếm đoạt; anh H2 đã được gia đình các bị cáo và gia đình người liên quan hoàn trả lại toàn bộ số tiền anh H2 mua điện thoại của các bị cáo là 8.500.000 đồng; anh T và anh H2 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Vật chứng đã thu giữ gồm “02 đôi dép lê; 01 điện thoại Iphone 12 Promax; 01 điện thoại Iphone 13 Promax; 01 xe mô tô Vision biển kiểm soát 35E11-027.76 và số tiền 1.710.000 đồng”.

- Xe mô tô Vision biển kiểm soát 35E11-027.76 kết quả điều tra xác định là tài sản của ông H (bố cháu H4); ông H không biết H4 lấy xe và sử dụng xe mô tô để đi cướp giật tài sản; nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông H.

- Điện thoại Iphone 12 Promax và điện thoại Iphone 13 Promax là tài sản của anh T, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T.

- Số tiền 1.710.000 đồng do D giao nộp; đây là tiền do bán tài sản phạm tội mà có nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 02 đôi dép là tài sản của D và của anh H3; D và anh H3 đều không yêu cầu trả lại nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Trong vụ án này còn có H3 và H4 cùng tham gia; nhưng H3 và H4 đều là người dưới 16 tuổi, nên không phải chịu trách nhiệm hình sự. Anh H2 đã mua điện thoại của các bị cáo, nhưng không biết tài sản do phạm tội mà có, nên hành vi của anh H2 không có dấu hiệu tội phạm.

[9] Về án phí: Các bị cáo D và D1 đều bị kết án, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Đinh Văn D và Nguyễn Xuân D1 phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 6 Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự; căn cứ thêm Điều 55 của Bộ luật Hình sự đối với D.

3. Xử phạt: - Đinh Văn D 21 (hai mươi một) tháng tù, tổng hợp với hình phạt 18 (mười tám) tháng tù của Bản án hình sự phúc thẩm số 15/2024/HSPT ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 39 (ba mươi chín) tháng tù; thời hạn phạt tù tính từ ngày tạm giữ 12/01/2024.

- Nguyễn Xuân D1 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày tạm giữ 12/01/2024.

4. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền bị cáo Đinh Văn D giao nộp là 1.710.000 đồng (một triệu bảy trăm mười nghìn đồng).

- Tịch thu tiêu hủy 02 đôi dép.

Vật chứng có đặc điểm tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/5/2024 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Y với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y; toàn bộ số tiền đang trong tài khoản số 3949.0.1055132.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tại Kho bạc Nhà nước huyện Y, theo ủy nhiệm chi ngày 06/5/2024 của Công an huyện Y

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc các bị cáo Đinh Văn D và Nguyễn Xuân D1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo; người đại diện hợp pháp của các bị cáo; người bào chữa cho các bị cáo; người liên quan là ông H, cháu H3, cháu H4 và người đại diện của cháu H3 và cháu H4 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại là ông T; người liên quan là anh H2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Bị cáo, người đại diện BC, Người bào chữa
- Người bị hại, người đại diện, người BVQL
- Người liên quan
- Chi cục THA
- Công an huyện Y
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thu Phương Vũ Văn Chiến

Bùi Văn Lực

Tiến hành làm việc với anh H2 chủ cửa hàng điện thoại “A Bé”, anh H2 giao nộp lại 01 điện thoại Iphone 12 Promax màu vàng

- Luật sư Phan Tiến Minh, Văn phòng luật sư Tiến Minh, Đoàn luật sư tỉnh Ninh Bình; vắng mặt và có bản bào chữa gửi đến phiên tòa.

- Trợ giúp viên pháp lý Bùi Thị Thanh Tâm, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- Trợ giúp viên pháp lý Phạm Thị Mến, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo D1:

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho cháu H3:

- Trợ giúp viên pháp lý Bùi Thị Thanh Tâm, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- Trợ giúp viên pháp lý Phạm Thị Mến, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Số tiền có được từ việc cướp giật điện thoại sẽ chia làm 3 phần cho D, H3, H4, riêng D1 không lấy tiền.